

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/DS-ST
Ngày: 26-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hương Thảo
- Ông Phạm Văn Tuyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 617/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 525/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S**

Địa chỉ trụ sở chính: Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng S** (Công ty SBA); Địa chỉ trụ sở chính: Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 2535A/2002/GUQ-PL ngày 12/10/2022)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty SBA: Ông **Lê Ngọc T** (Tổng giám đốc).

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty SBA) ủy quyền lại cho: Ông **Trần Gia T**, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: Lầu B, Số X, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 3597/2023/UQ-TGD ngày 19/10/2023) (có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Từ L**, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Chung cư T, Đường số X, ấp B, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Gia T trình bày:

Ngày 11/5/2020, bà Huỳnh Từ L có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Cụ thể: Loại thẻ: Visa Platinum, số thẻ: 436438-0639, hạn mức: 83.000.000đ (Tám mươi ba triệu đồng), mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân; lãi suất: 2,4%.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 176.285.842đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi hai đồng). Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 Bản điều khoản và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Bà L phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 22 của Bản điều khoản và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, chi tiết lãi và phí được thể hiện trong bảng sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà L đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 133.298.665 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm sáu mươi lăm đồng). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước.
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.
- Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ.
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và

điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nên ngày 06/01/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 92.404.808 đồng (Chín mươi hai triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn, tám trăm lẻ tám đồng) làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nên Ngân thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Từ L trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/01/2024 là 175.569.308 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm lẻ tám đồng), trong đó bao gồm:

Nợ gốc: 92.404.808 đồng.

Lãi quá hạn: 83.164.500 đồng.

Bà L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/01/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (bao gồm Bản điều khoản và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).

Bị đơn bà Huỳnh Từ L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án với đề xuất Hội đồng xét xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[2] Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Từ L thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ việc sử dụng tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/5/2020 do đó Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Huỳnh Từ L không có đăng ký thường trú và không có đăng ký tạm trú tại địa chỉ số 7.5, B3, chung cư Terra Rosa, Ấp 5, Phong Phú, Bình Chánh; bà L cũng không cư ngụ tại: 7.5, B3, chung cư Terra Rosa, Ấp 5, Phong Phú, Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời theo kết

quả trả lời xác minh của Công an Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Huỳnh Từ L có đăng ký thường trú tại số 2/23B Trần Nhân Tôn, Phường 2, Quận 10 nhưng bán nhà năm 2022, đi đâu không rõ do không báo địa phương.

[4] Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/5/2020, bà Huỳnh Từ L đã ghi thông tin địa chỉ ở hiện tại là 7.5 – B3 Chung cư Terra Rosa, Đường số 7, ấp 5, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đơn khởi kiện Ngân hàng thương mại cổ phần S đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bà Huỳnh Từ L theo địa chỉ bà L cung cấp tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/5/2020. Ngoài địa chỉ ghi trên Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng thì Ngân hàng thương mại cổ phần S khẳng định không biết địa chỉ nào khác của bà Huỳnh Từ L. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì việc bà L thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho Ngân hàng thương mại cổ phần S biết về nơi cư trú mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ do đó Tòa án giải quyết vụ án theo quy định chung. Do bị đơn bà Huỳnh Từ L có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Huỳnh Từ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2020 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Huỳnh Từ L nhưng bà L vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Điều này cho thấy bà L đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[8] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301103908 đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 40 ngày 09/02/2021 thì Ngân hàng thương mại cổ phần S là tổ chức có tư cách pháp nhân được quyền tham gia các giao dịch dân sự. Bị đơn bà Huỳnh Từ L là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện. Đồng thời sự thỏa thuận của hai bên tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng

kiêm hợp đồng ngày 11/5/2020 về việc cấp thẻ tín dụng có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng đã giao kết có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Vì vậy các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[9] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bà Huỳnh Từ L thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ thẻ tính đến ngày 25/01/2024 là 175.569.308 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm lẻ tám đồng), trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 92.404.808 đồng.
- Lãi quá hạn: 83.164.500 đồng.

[10] Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/5/2020 thể hiện nội dung bà Huỳnh Từ L đề nghị cấp thẻ tín dụng, loại thẻ: Visa Platinum Cashback, hạn mức tín dụng được duyệt là 83.000.000 đồng, số thẻ: 436438-0639. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 176.285.842đ. Thử tự thanh toán theo quy định Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Theo bảng tóm tắt sao kê ngày 25/01/2024 do Ngân hàng cung cấp thể hiện kỳ thanh toán cuối cùng của bà L là vào ngày 05/11/2021, sau đó bà L không tiếp tục thanh toán nợ thẻ cho Ngân hàng kể từ kỳ thanh toán ngày 05/12/2021 cho đến nay. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nên từ ngày 06/01/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với dư nợ gốc là 92.404.808 đồng và áp dụng lãi suất quá hạn (3,6%) là phù hợp với quy định tại Điều 13 và Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[11] Tại khoản 18.2 Điều 18 và Điều 19 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (có hiệu lực từ ngày 29/11/2019) quy định về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ, theo đó, chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán dư nợ đầy đủ và đúng hạn theo thông báo của Ngân hàng. Xét thấy, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L thanh toán nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 25/01/2024, là phù hợp quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc bà L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 92.404.808 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 25/01/2024 là 83.164.500 đồng và lãi phát sinh từ ngày 26/01/2024 cho đến khi bà L trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (bao gồm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể: bà Huỳnh Từ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.778.465 đồng (Tám triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng). Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn bà Huỳnh Từ L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Huỳnh Từ L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 175.569.308 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm lẻ tám đồng); trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 92.404.808 đồng.

- Lãi quá hạn: 83.164.500 đồng.

Kể từ ngày 26/01/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/5/2020 (bao gồm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Các bên thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Huỳnh Từ L phải chịu 8.778.465 đồng (Tám triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.449.474 đồng (Ba triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm bảy mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0042859 ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Kim Tuyền